

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**KHOA NGOẠI NGỮ**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**- Thông tin tổng quát**

1. Tên môn học tiếng Việt: **TIẾNG ANH NÂNG CAO 1** - Mã môn học: GENG1339

2. Tên môn học tiếng Anh: Academic English 1

3. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng

Giáo dục đại cương

Kiến thức chuyên ngành

Kiến thức cơ sở

Kiến thức bổ trợ

Kiến thức ngành

Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp

4. Số tín chỉ

Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
<b>3TC</b>	<b>2 TC</b>	<b>1 TC</b>	<b>90 tiết</b>

5. Phụ trách môn học

- Khoa phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

- Giảng viên: TS. Bùi Thị Thục Quyên

- Địa chỉ email liên hệ: quyen.btt@ou.edu.vn

- Phòng làm việc: Phòng 503 - Số 35- 37 Hồ Hảo Hớn Q.1 Tp. Hồ Chí Minh

- **Thông tin về môn học**

### 1. **Mô tả môn học**

Môn *Tiếng Anh Nâng cao 1* là môn học bắt buộc trong khung chương trình đào tạo chính thức dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh. Đây là môn học đầu tiên trong 5 môn nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên đạt trình độ tương đương trung cấp (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

### 2. **Môn học điều kiện**

Không

### 3. **Mục tiêu môn học**

Môn học nhằm giúp cho sinh viên có các kiến thức, kỹ năng, và thái độ sau:

Mục tiêu môn học	Mô tả	CDR CTĐT phân bổ cho môn học
CO1	Tiếp tục phát triển với Tiếng Anh giao tiếp và luyện tập các kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết cơ bản với các tình huống quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày;  Tiếp tục rèn luyện tư duy phê phán cùng với các hoạt động thực hành kỹ năng;  Bắt đầu làm quen với một số kiến thức mang tính trừu tượng, tìm và sử dụng thông tin đa dạng, lĩnh vực kiến thức nền khác nhau (văn hóa-xã hội);  Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra	PLO 11.1

Mục tiêu môn học	Mô tả	CĐR CTĐT phân bổ cho môn học
	khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình;	
CO2	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.	PLO 12

#### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) môn học

Học xong môn học này, sinh viên đạt được kiến thức, kỹ năng, thái độ sau:

Mục tiêu môn học	CĐR môn học (CLO)	Mô tả CĐR
CO1	CLO1.1	- Có thể hiểu được ý chính và chi tiết của những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày như: tuổi thọ, các môn thể thao thi đấu, giao thông, sở thích cá nhân;
	CLO1.2	- Có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình. Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh. Có thể trình bày ý kiến cá nhân về các sự kiện văn hóa thể thao, phong cách sống, trao đổi thông tin từ bài đọc, miêu tả người và vật, trình bày báo cáo ngắn;
	CLO1.3	- Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng dưới dạng bài báo, blogs, thông tin hướng dẫn, cuộc phỏng vấn; - Vận dụng tư duy phản biện để nhận biết ví dụ, suy luận, nhận biết ý kiến đồng tình hay phản bác, nhận biết minh chứng;
	CLO1.4	- Có thể viết bài đơn giản (lời khuyên, báo cáo, miêu tả sự kiện, kể chuyện, quảng cáo), có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc môi quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc;

Mục tiêu môn học	CDR môn học (CLO)	Mô tả CDR
	CLO1.5	- Sử dụng các cấu trúc ngữ pháp như Simple Present Tense, Present Continuous, Simple Past Tense, Past Continuous, Adverbs of frequency, Adjective Comparison trong giao tiếp một cách khá chính xác trong những ngữ cảnh quen thuộc; nhìn chung, có khả năng kiểm soát mặc dù còn có sự ảnh hưởng đáng kể của tiếng mẹ đẻ. Có thể còn mắc lỗi, nhưng người sử dụng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt;
	CLO1.6	- Có đủ vốn từ để diễn đạt bản thân, tuy còn vòng vo, về hầu hết các chủ đề liên quan đời sống hằng ngày như gia đình, thói quen, sở thích, phẩm chất, thể thao, các vấn đề cơ bản về sức khỏe, các phương tiện giao thông;
	CLO1.7	- Phát âm: các âm/η/, cách phát âm từ <i>than</i> , cách phát âm đuôi <i>ed</i> , <i>es.s</i> , dấu nhấn, và ngữ điệu;
CO2	CLO2.1	- Có năng lực tự học;
	CLO2.2	- Có năng lực làm việc cặp/nhóm.

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CLOs	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010	PL011	PL012
1.1											X	
1.2											X	
1.3											X	
1.4											X	
1.5											X	
1.6											X	
1.7											X	
2.1												X
2.2												X

## 5. Học liệu

### a. Giáo trình

- (1) Hughes J.; Stephenson, H., & Dummett, P. (2017). *Life Pre-intermediate Student's Book*, 2<sup>nd</sup> Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 1 – Unit 4)
- b. Tài liệu tham khảo
- (2) Hughes J.; Stephenson, H., & Dummett, P. (2017). *Life Pre- intermediate Online Workbook (OWB)*, 2<sup>nd</sup> Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 1 – Unit 4)
- (3) Hughes J.; Stephenson, H., & Dummett, P. (2017). *Grammar Practice Worksheets*, 2<sup>nd</sup> Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 1 – Unit 4). Retrieved at [www.ngl.cengage.com](http://www.ngl.cengage.com) dated August 19, 2019.
- (4) Hughes J.; Stephenson, H., & Dummett, P. (2017). *Mono-lingual word list*, 2<sup>nd</sup> Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 1 – Unit 4). Retrieved at [www.ngl.cengage.com](http://www.ngl.cengage.com) dated August 19, 2019.

## 6. Đánh giá môn học

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Thời điểm	CĐR môn học	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Bài tập online đi kèm theo các nội dung cụ thể được dạy trong môn học này	Suốt khóa học	CLO1.1; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6 CLO2.1;	20%
	A1.2 Điểm hoạt động Nói GVNN	Trong khóa học	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.2;	10%
	A1.3 Kiểm tra kỹ năng Nói GVNN	Trong cuối khóa học	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.2;	10%
	A1.4 Kiểm tra kỹ năng Viết theo dạng tự luận)	Trong khóa học	CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7	10%
				<b>Tổng cộng</b>
Click or tap here to enter text.				

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Thời điểm	CĐR môn học	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Thi cuối kì (Kỹ năng Nghe và kỹ năng Đọc theo dạng trắc nghiệm)	Tập trung vào cuối khóa	CLO1.1; CLO1.3; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7	50%
	<b>Tổng cộng</b>			50%
<b>Tổng cộng</b>				100%

## 7. Kế hoạch giảng dạy

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>Buổi 1</b> (4,5 tiết)	1 tiết <b>INTRODUCTION TO THE COURSE</b>				
<b>GVVN</b>	3,5 tiết <b>UNIT 1: UNIT 1: LIFESTYLE</b> <b>Opener:</b> <u>Listening:</u> Listening for a description of a place <u>Vocabulary:</u> Activities people often do.  <b>Part 1.a: How well do you sleep?</b> <i>Nội dung chính</i>	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2.	<u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết <u>Sinh viên:</u> + Học ở lớp: nghe, nhìn,	Bài tập online_(làm ở nhà) Unit 1 (1.a; 1.b; 1.c) -	(1 ) Unit 1 (1. Opener ;1.a; 1.b; 1.c);  (2) xem cột 5;  (3) Unit 1;

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><u>Grammar:</u> Present simple and adverbs of frequency</p> <p><u>Vocabulary:</u> <i>everyday</i> <i>routine</i></p> <p><u>Pronunciation:</u> ending s, es of the verb</p> <p><u>Speaking:</u> Personal habits</p> <p><b>Part 1.b: The secrets of a long life</b> <b>Nội dung chính</b></p> <p><u>Reading:</u> Long life</p> <p><u>Listening:</u> Listening for details</p> <p><u>Grammar:</u> Present simple and Present continuous</p> <p><u>Vocabulary:</u> <i>collocations</i> with <i>do, play, go</i></p> <p><u>Speaking:</u> Asking and answering about “Healthy life” using Present simple</p>		<p>lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản</p> <p>+ Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm</p> <p>+ Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 1 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3 tiết; thực hành tại lớp: 1,5 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>		(4) Unit 1

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	<p>and Present continuous</p> <p><b>Part 1.c: Nature is good for you</b></p> <p><i>Nội dung chính</i></p> <p><u>Reading</u>: Nature is good for you</p> <p><u>Critical thinking</u>: giving examples</p> <p><u>Vocabulary</u>: feel</p> <p><u>Speaking</u>: Making life healthier</p>					
<b>Buổi 2</b> (4,5 tiết)	4,5 tiết	<p><b>Part 1.e: Personal information</b></p> <p><i>Nội dung chính</i></p> <p><u>Writing</u>: Điền mẫu đơn</p> <p><b>Part 1.f: My local park</b></p> <p><i>Nội dung chính</i></p> <p>- Watching the video “My local park”</p> <p>- <u>Vocabulary</u>: Key vocabulary in the video</p> <p>- <u>Listening</u>: Listening for details</p> <p>- <u>Speaking</u>: Guessing the people</p>	<p>CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO2.1; CLO2.2.</p>	<p><u>Giảng viên</u>:</p> <p>+ Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm</p> <p>+ Gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết</p> <p><u>Sinh viên</u>:</p> <p>+ Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản</p> <p>+ Làm việc cá nhân, hoặc</p>	<p>Bài tập online (làm ở nhà)</p> <p>Unit 1 (1.e; review)</p> <p>Unit2 (2.a)</p>	<p>(1) Unit 1 (1.e; 1.f; review) &amp; Unit 2 (Opener; 2.a)</p> <p>(2) xem cột 5;</p> <p>(3) Unit 1 &amp; Unit 2</p> <p>(4) Unit 1 &amp; Unit 2</p>



Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><b><u>Review and Memory Booster</u></b> Review Unit 1</p> <p><b>UNIT 2: COMPETITIONS</b> <b>Opener: “Ironman competiton”</b> <u>Listening:</u> Ironman championship <u>Vocabulary:</u> Words from the same family</p> <p><b>Part 2.a: Crazy competitions!</b> <i>Nội dung chính</i> <u>Reading:</u> “Crazy Competition” <u>Grammar:</u> Modal Verbs for Rules <u>Vocabulary:</u> <i>Sport</i> <u>Speaking:</u> Describe the rules of some simple competitions</p>		<p>theo cặp, nhóm + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 1 &amp; Unit 2 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3 tiết; thực hành tại lớp: 1,5 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>		
<b>Buổi 3</b> (4,5 tiết)	4,5 tiết	<b>Part 2.b: Winning and losing</b>	CLO1.1;	<u>Giảng viên:</u>	Bài tập online_(làm ở nhà) (1) Unit 2

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
GVVN	<p><b><i>Nội dung chính</i></b>  <u>Grammar:</u> -ing form (Gerund – Danh động từ)  <u>Vocabulary:</u> <i>Suffixes (Hậu tố chỉ người trong chủ đề thể thao)</i>  <u>Listening:</u> Listening for main idea and details  <u>Pronunciation:</u> /ŋ/  <u>Speaking:</u> Asking/answering about playing sports in spare time  <b>Part 2.c: Bolivian wrestlers</b>  <b><i>Nội dung chính</i></b>  <u>Reading:</u> Bolivian wrestlers  <u>Critical thinking:</u> reading between the lines  <u>Vocabulary:</u> <i>like</i>  <u>Speaking:</u> Asking/answering about sports in the Olympic Games</p>	CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2.	<p>+ Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm  + Gọi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết  <u>Sinh viên:</u>  + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản  + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm  + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 2 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3 tiết; thực hành tại lớp: 1,5 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>	Units 2 (2.b; 2.c; 2.e)	(2.b; 2.c; 2.e)  (2) xem cột 5  (3) Unit 2;  (4) Unit 2;

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><b>Part 2.e: Advertising for members</b>  <b>Nội dung chính</b>  <u>Writing</u>: Making an advert  <u>Writing skills</u>: Checking your writing</p>				
<p><b>Buổi 4</b> (4,5 tiết)  <b>GVVN</b></p>	<p>4,5 tiết</p> <p><b>Part 2.f: Mongolian horse racing</b>  <b>Nội dung chính</b>  - <u>Vocabulary</u>: Key vocabulary in the video  - Watching the video “Mongolian horse racing”  - <u>Listening</u>: Listening for details  - <u>Speaking</u>: Taking turns asking the given questions</p> <p><b><u>Review and Memory Booster</u></b>  Review Unit 2</p> <p><b>UNIT 3: TRANSPORT</b></p>	<p>CLO1.1;  CLO1.2;  CLO1.3;  CLO1.5;  CLO1.6;  CLO1.7;  CLO2.1;  CLO2.2.</p>	<p><u>Giảng viên</u>:  + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm  + Gọi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết  <u>Sinh viên</u>:  + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản  + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm  + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài</p>	<p>Bài tập online (làm ở nhà)  Unit 2 (review)  Unit 3 (3.a; 3.b)</p>	<p>(1) Unit 2 (2.f; review) &amp; Unit 3 (Opener; 3.a; 3.b)</p> <p>2) xem cột 5;</p> <p>(3) Unit 3</p> <p>(4) Unit 3</p>

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><b>Opener:</b>  <u>Listening:</u> Taking the train in Dhaka  <u>Vocabulary:</u> Ways of travelling  <u>Speaking:</u> Ways of travelling you prefer</p> <p><b>Part 3.a: Transport solutions</b>  <b><i>Nội dung chính</i></b>  <u>Grammar:</u>  Comparatives and Superlatives  <u>Vocabulary:</u>  Transport Nouns  <u>Reading:</u>  Reading for main ideas  <u>Speaking:</u>  Compare the transport  <u>Pronunciation:</u>  Pronunciation of “<i>than</i>”</p>		<p>tập online của Unit 2 &amp; Unit 3 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>		

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><b>Part 3.b: Transport around the world</b>  <b>Nội dung chính</b>  <u>Grammar:</u> As...as, Comparative Modifiers  <u>Vocabulary:</u> <i>Transport adjectives</i>  <u>Listening:</u> Listening for main ideas  <u>Pronunciation:</u> Sentence stress  <u>Speaking:</u> Giving advice to visitors who want to get around your city. What is the best way to travel?</p>				
<p><b>Buổi 5</b> (4,5 tiết)  <b>GVVN</b></p>	<p><b>Part 3.c: The end of the road</b>  <b>Nội dung chính</b>  <u>Reading:</u> Reading for the main ideas and details.  <u>Vocabulary:</u> Transport verb  <u>Critical thinking:</u></p>	<p>CLO1.1;  CLO1.2;  CLO1.3;  CLO1.4;  CLO1.5;  CLO1.6;  CLO2.1;  CLO2.2.</p>	<p><u>Giảng viên:</u>  + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm  + Gọi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết  <u>Sinh viên:</u>  + Học ở lớp: nghe, nhìn,</p>	<p>Bài tập online (làm ở nhà)  Unit 3 (3.c; 3.e; review)</p>	<p>(1) Unit 3 (3.c; 3.e; 3.f; review);  (2) xem cột 5;  (3) Unit 3  (4) Unit 3</p>

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>Opinion for or against</p> <p><u>Speaking:</u> Work in group and make a presentation on the idea of starting a pedicab company in your town/city.</p> <p><b>Part 3.e: Quick communication</b> <i>Nội dung chính</i></p> <p><u>Writing:</u> Writing notes and messages</p> <p><u>Writing skills:</u> Writing in note form</p> <p><b>Review and Memory Booster</b> Review Unit 3</p>		<p>lập lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản</p> <p>+ Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm</p> <p>+ Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 3 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>		
<b>Buổi 6</b> (4,5 tiết)	4,5 tiết	<b>UNIT 4: CHALLENGES</b>	<u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần	Bài tập online (làm ở nhà) Unit 4 (4.a; 4.b; 4.c)	Unit 4 (4. Opener ; 4.a; 4.b; 4.c)  (2) xem cột 5;
<b>GVVN</b>		<u>Opener: Short discussion on adventure and challenges</u> <u>Listening:</u> A caver			

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>talking about his hobby. Listening for main idea <u>Vocabulary</u>: <i>take a risk and challenge</i> <u>Speaking</u>: Discovering yourself</p> <p><b>Part 4.a: Adventurers of the year</b> <i>Nội dung chính</i> <u>Reading</u>: Reading the article: <i>Adventurers' stories</i>. Reading for details <u>Grammar</u>: Past simple <u>Pronunciation</u>: V-ed sound: /t/ /d/ /id/ <u>Speaking</u>: Asking and answering about past events</p> <p><b>Part 4.b: An impossible decision</b> <i>Nội dung chính</i> <u>Vocabulary</u>: Personal qualities <u>Listening</u>: An important decision <u>Grammar</u>: Past simple</p>	CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2.	<p>thiết <u>Sinh viên</u>: + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 4 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>		<p>(3) Unit 4 (4) Unit 4</p>

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>and Past Continuous  <u>Pronunciation:</u> was/ were  <u>Speaking:</u>  Asking and answering about past events</p> <p><b>Part 4.c: Challenge yourself</b>  <i>Nội dung chính</i>  <u>Reading:</u> Challenge yourself  <u>Critical Thinking:</u> Looking for evidence  <u>Word building:</u> Verbs and Nouns  <u>Writing and Speaking:</u> Challenges in English</p>				
<b>Bài 7</b> (4,5 tiết)  <b>GVVN</b>	4,5 tiết  <b>Part 4.e: Write a short story</b> <i>Nội dung chính</i> <u>Writing:</u> A short story <u>Writing skill:</u> Structure your writing  <b>Part 4.f: A microadventure</b> <i>Nội dung chính</i>	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO2.1; CLO2.2.	<u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gọi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết <u>Sinh viên:</u>	Bài tập online_(làm ở nhà) Unit 4 (4.e; 4.f; review)	(1) Unit 4 (4.e; 4.f; review) (2) xem cột 5  (3) Unit 4;  (4) Unit 4.



Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>- <u>Vocabulary</u>: Key vocabulary in the video</p> <p>- Watching the video “A microadventure”</p> <p>- <u>Listening and watching</u>: Listening for details</p> <p>- <u>Speaking</u>: Work in pair sharing the story written in the previous class</p> <p><b>Review and Memory Booster</b> Review Unit 4</p>		<p>+ Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản</p> <p>+ Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm</p> <p>+ Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 4 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>		
<b>Bài 8</b> (4,5 tiết)	4,5 tiết	<b>Kiểm tra kỹ năng Viết (30 phút)</b>	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.4;	<u>Giảng viên</u> : + Kiểm tra kỹ năng Viết và Nói	<b>BÀI KIỂM TRA VIẾT và NÓI</b>
<b>GVVN</b>		<b>Kiểm tra kỹ năng Nói</b>	CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7;	(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 0 tiết; thực hành tại	

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		CLO2.1; CLO2.2	lớp: 4,5 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)		
<b>Buổi 9</b> (4,5 tiết)  <b>GVNN</b>	4,5 tiết  <b>Part 1.d: At the doctor's</b> <b>Nội dung chính</b> <u>Vocabulary:</u> <i>Medical problems</i> <u>Pronunciation:</u> Stressed <u>Speaking:</u> roleplay: doctor and patient  <b>Part 2.d: Joining a group &amp; Advertising for members</b> <b>Nội dung chính</b> <u>Listening:</u> Listening for details <u>Pronunciation:</u> letters <u>Speaking:</u> Silent	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2.	<u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gọi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết <u>Sinh viên:</u> + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm + + Học ở nhà: ôn nội dung đã học Unit 1 và Unit 2 (xem cột 5)	Bài tập online_(làm ở nhà) Unit 1 (1.d) Unit 2 (2.d)	(1) Unit 1(1.d) & Unit 2 (2.d)  (2) xem cột 5  (3) Unit 1 & Unit 2;  (4) Unit 1 & Unit 2.

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Talking about interests <b>ÔN TẬP CUỐI MÔN HỌC</b>		(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)		
<b>Buổi 10</b> (4,5 tiết) <b>GVNN</b>	4,5 tiết <b>Part 3.d: Getting around the town</b> <i>Nội dung chính</i> <u>Vocabulary:</u> Taking transport <u>Listening:</u> Listen for details – getting the phases used for going on a journey <u>Pronunciation:</u> Intonation <u>Speaking:</u> Act out the conversation <b>Part 4.d: True life stories</b> <i>Nội dung chính</i> <u>Speaking:</u> Telling a story	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2.	<u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gọi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết <u>Sinh viên:</u> + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm + Học ở nhà: ôn nội dung đã học Unit 3 và Unit 4 (xem cột 5)	Bài tập online (làm ở nhà) Unit 3 (3.d) Unit 4 (4.d)	(1) Unit 3 (3.d) Unit 4 (4.d)  (2) xem cột 5  (3) Unit 3 & Unit 4;  (4) Unit 3 & Unit 4.

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<u>Pronunciation:</u> Intonation for responding  <b>ÔN TẬP CUỐI MÔN HỌC</b>		(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)		

#### 8. Quy định của môn học

- Quy định về nộp bài tập, bài kiểm tra: Phải hoàn thành bài tập online đúng hạn theo từng tuần. Phải thi đầy đủ các kỹ năng của bài thi cuối kỳ.
- Quy định về chuyên cần: Phải tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học. Sinh viên nghỉ quá 20% thời lượng môn học sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- Nội quy lớp học: Sinh viên phải chấp hành nội qui của nhà trường, có thái độ hòa nhã, lịch sự với giáo viên và các bạn cùng tham gia môn học.

**TRƯỞNG KHOA**

**Giảng viên biên soạn**

**TS. Nguyễn Thúy Nga**

**TS. Bùi Thị Thục Quyên**